

TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 47/2025/HS-PT

Ngày: 28 / 7 / 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI HÀ NỘI

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Quang Dũng;

Các Thẩm phán: Ông Trần Xuân Thảo;

Ông Nguyễn Xuân Điền.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Nữ Quỳnh Trâm, Thư ký Tòa phúc thẩm
Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội.

- **Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Huy Hải, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 28 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số 144/2025TLPT-HS ngày 06 tháng 02 năm 2025 đối với bị cáo Bùi Gia L và bị cáo Nguyễn Văn V bị kết án về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và tội “Đánh bạc”, do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn V và kháng cáo bị hại đối với Bản án số 124/2024/HS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

- **Bị cáo có kháng cáo:**

Họ và tên: **Nguyễn Văn V**, sinh năm 1995 tại tỉnh Hưng Yên; Nơi cư trú: Tổ dân phố Y, phường M, tỉnh Hưng Yên (Trước đây là Tổ dân phố Y, phường P, thị xã M, tỉnh Hưng Yên); giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 09/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn Xuân T và bà Nguyễn Thị H; có vợ là Đặng Thị C và có 01 con sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giam từ ngày 29/5/2024 đến ngày 25/6/2024 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

- **Bị cáo bị kháng cáo:**

Họ và tên: **Bùi Gia L**, sinh năm 1994 tại tỉnh Hưng Yên; Nơi cư trú:

Thôn M, phường T, tỉnh Hưng Yên (Trước đây là: Thôn M, xã D, thị xã M, tỉnh Hưng Yên); giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 11/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Bùi Đăng C và bà Nguyễn Thị S; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên từ ngày 10/10/2023 đến nay (có mặt).

- **Người bào chữa cho bị cáo Bùi Gia L:** Luật sư Nguyễn Hùng P – Văn phòng Luật sư P, Đoàn Luật sư tỉnh Hưng Yên (có mặt).

- **Bị hại có kháng cáo:** Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1986 và chị Nguyễn Thị L1, sinh năm 1988; cùng trú tại: Thôn H, xã Đ, thành phố Hà Nội (Trước đây là thôn H, xã T, huyện P, thành phố Hà Nội (có mặt).

- **Người có liên quan đến kháng cáo được triệu tập:**

1. Anh Trần Ngọc H, sinh năm 1993; địa chỉ: Tòa A, khu đô thị P, phường M, tỉnh Hưng Yên (vắng mặt).

2. Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1991, địa chỉ: D504 Chung cư P1, phường M, tỉnh Hưng Yên (Trước đây là Tổ dân phố P, thị xã M, tỉnh Hưng Yên (có mặt)).

Trong vụ án còn có bị cáo Đào Văn L2 có kháng cáo nhưng đã rút kháng cáo trước khi mở phiên tòa nên Tòa không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản

Bùi Gia L (sinh năm 1994, trú tại thôn M, xã D, thị xã M, tỉnh Hưng Yên) quen biết với vợ chồng anh Nguyễn Văn T (sinh năm 1986) và chị Nguyễn Thị L1 (sinh năm 1988), trú tại thôn H, xã C, huyện P, TP Hà Nội.

Tháng 3/2022, vợ chồng anh T nhờ L tìm mua đất tại thị xã M, tỉnh Hưng Yên và chuyển 2.000.000.000 đồng vào tài khoản của L để thực hiện việc mua đất. Sau khi nhận tiền, L liên hệ với vợ chồng anh Kiều Văn T1 (sinh năm 1989) và chị Nguyễn Thị H2 (sinh năm 1992), trú tại thôn M, xã D để mua thửa đất số 448, tờ bản đồ số 31, diện tích 104m² tại thôn B, xã D, với giá 1.700.000.000 đồng.

Hợp đồng chuyển nhượng ghi số tiền 180.000.000 đồng. Số tiền 300.000.000 đồng còn lại L khai rằng vợ chồng anh T không đòi lại nên L đã sử dụng vào mục đích cá nhân. Sau khi giao dịch mua đất, L thông báo cho vợ

chồng anh T và được họ tin tưởng nhờ đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 12/5/2022, anh T yêu cầu L soạn hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bố mẹ mình là ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị P. Tuy nhiên, L viết nhằm thông tin, xác định bên chuyển nhượng là ông C và bà P, còn bên nhận chuyển nhượng là L. Sau đó, L soạn lại hợp đồng khác nhưng chưa ký tên hay điểm chỉ.

Đến tháng 6/2022, L nảy sinh ý định chiếm đoạt thửa đất số 448. Ngày 13/8/2022, L sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên mình để chuyển nhượng thửa đất cho chị Nguyễn Thị H1 (sinh năm 1991, trú tại tổ dân phố P, thị xã M) và anh Trần Ngọc H (sinh năm 1993, trú tại thôn L, xã G, huyện Y), với giá 1.120.000.000 đồng mà không thông báo cho vợ chồng anh T.

Ngày 5/12/2022, hai bên ký hợp đồng chuyển nhượng ghi số tiền 300.000.000 đồng. Sau đó, chị H1 chuyển nhượng phần đất cho anh H. Ngày 22/02/2023, anh H được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Số tiền 1.120.000.000 đồng L nhận từ chị H1, L đã dùng trả nợ anh T 100.000.000 đồng, số còn lại L chi tiêu cá nhân.

Đầu năm 2023, anh T yêu cầu L sang tên lại thửa đất nhưng L không thực hiện, viện nhiều lý do trì hoãn và sau đó bỏ trốn, không thông báo cho gia đình. L còn bán điện thoại và số điện thoại thường dùng để tránh bị đòi nợ.

Ngày 08/8/2023, anh Nguyễn Văn T đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã M trình báo vụ việc và giao nộp hai Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 12/5/2022 (do ông Nguyễn Văn C giữ). Hai hợp đồng này được ký hiệu A2 và A3. Ngày 17/10/2023, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hưng Yên ban hành Kết luận giám định số 296/KL-KTHS, xác định chữ viết và chữ ký trên các tài liệu ký hiệu A2 và A3 đều là của Bùi Gia L.

Ngày 10/10/2023, Bùi Gia L đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Mỹ Hào đầu thú, thừa nhận hành vi vi phạm và giao nộp một điện thoại iPhone 6 (gắn SIM số 0973.529.763). Chiếc điện thoại này được niêm phong, ký hiệu A2.

Tại cơ quan điều tra, anh Nguyễn Văn T còn giao nộp:

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG986585, do UBND huyện M cấp ngày 25/9/2021, đứng tên anh T, liên quan đến thửa đất số 680, tờ bản đồ số 89, diện tích 360m² tại thôn M, xã D, thị xã M; Sổ tiết kiệm trị giá 1.000.000.000 đồng, ngày gửi 01/6/2022 tại Ngân hàng BIDV chi nhánh Bắc Hưng Yên, đứng tên ông Nguyễn Văn C.

Quá trình điều tra xác định cả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sổ tiết kiệm đều là giả. Anh T khai rằng các giấy tờ này do L cung cấp, nhưng L không thừa nhận. Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất nhưng không thu được kết quả, đồng thời không có tài liệu khác để xác định nguồn gốc giấy tờ giả nên chưa đủ căn cứ xử lý L về hành vi làm giả hoặc sử dụng tài liệu giả.

Ngoài ra, anh T cung cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện M cấp cho hộ bà Ngô Thị H (bà ngoại L) đối với 5 thửa đất trồng cây hàng năm tại thôn V, xã D, cùng một Giấy thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đề ngày 16/12/2021. Trong đó, bên chuyển nhượng là Bùi Gia L, bên nhận chuyển nhượng là ông Nguyễn Hữu K và bà Đỗ Thị M, liên quan đến thửa đất số 39-240, tờ bản đồ QH72689.

Theo Kết luận định giá tài sản số 43/KL-HĐ ngày 23/7/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND thị xã M, giá trị thửa đất số 448 tại thời điểm tháng 12/2022 là 1.328.080.000 đồng; đến tháng 7/2024, giá trị tăng lên 1.513.408.000 đồng.

Liên quan đến việc ghi nhận giá trị chuyển nhượng thấp hơn thực tế trong các hợp đồng chuyển nhượng thửa đất số 448, Bản Kết luận giám định số 4073 ngày 03/10/2024 của Tổ giám định tư pháp – Cục Thuế tỉnh Hưng Yên kết luận đây là hành vi trốn thuế thu nhập cá nhân và lệ phí trước bạ. Cụ thể:

Vợ chồng anh Kiều Văn T và chị Nguyễn Thị H trốn thuế TNCN 30.256.000 đồng; Bùi Gia L trốn thuế TNCN 16.400.000 đồng; anh Trần Ngọc H và chị Nguyễn Thị H1 trốn lệ phí trước bạ 4.100.000 đồng.

Do số tiền trốn thuế chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, ngày 03/10/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hưng Yên đã gửi Công văn đến Cục Thuế tỉnh Hưng Yên để xử lý theo quy định pháp luật.

Đối với hành vi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 13/8/2022 của chị Nguyễn Thị H1 và anh Trần Ngọc H, cơ quan điều tra xác định họ không biết về hành vi phạm tội của Bùi Gia L nên không có căn cứ để xử lý.

2. Hành vi đánh bạc dưới hình thức mua bán số lô, số đề

Từ tháng 01/2023 đến tháng 10/2023, Nguyễn Văn V đã sử dụng điện thoại di động để đánh bạc bằng cách bán số lô, số đề và số ba càng cho Bùi Gia L và Đào Văn L2 (sinh năm 1984, trú tại tổ dân phố N, phường P, thị xã M).

2.1 Hành vi đánh bạc giữa Nguyễn Văn V và Bùi Gia L

Ngày 10/01/2023, vào khoảng 17 giờ 30 phút, L nhắn tin qua SMS đến số điện thoại của V để mua số lô và số đề với tổng số tiền 12.910.000 đồng. Kết

quả mở thưởng xác định L không trúng thưởng. Ngày 11/01/2023, L tiếp tục nhắn tin mua số lô và số đề với tổng số tiền 13.125.000 đồng, và trúng thưởng 1.600.000 đồng. Tổng cộng, L đã chơi với V số tiền 14.725.000 đồng trong ngày 11/01/2023. Đến ngày 12/01/2023, L mua các số lô và số đề với tổng số tiền 21.300.000 đồng, trúng thưởng 10.400.000 đồng. Tổng số tiền L tham gia đánh bạc với V trong ngày này là 31.700.000 đồng.

Ngày 08/10/2023, khoảng 17 giờ 50 phút, L nhắn tin mua các số lô, số đề, số ba càng và lô xiên với tổng số tiền 4.770.000 đồng, gồm: số đề 610.000 đồng, số lô 3.150.000 đồng, số ba càng 660.000 đồng, và số lô xiên 350.000 đồng. Kết quả mở thưởng xổ số miền Bắc cho thấy L trúng thưởng 6.710.000 đồng, gồm: số đề 88 nhân 77 lần, số lô (96, 88, 89, 69) tổng cộng 55 điểm nhân 80.000 đồng/điểm. Tổng số tiền L tham gia đánh bạc ngày 08/10/2023 là 11.480.000 đồng. Ngày 09/10/2023, L gửi tin nhắn SMS đến V để mua số lô, số đề, và số ba càng với tổng số tiền 4.700.000 đồng, nhưng V chưa trả lời đồng ý, do đó hành vi đánh bạc chưa được thực hiện.

2.2 Hành vi đánh bạc giữa Nguyễn Văn V và Đào Văn L2

Nguyễn Văn V bán các số lô với giá 22.000 đồng/điểm, số đề thu 100% số tiền đánh, với tỷ lệ thắng: số đề nhân 80 lần, số lô nhân 80.000 đồng/điểm, lô xiên 2 nhân 10 lần, xiên 3 nhân 35 lần, và số ba càng nhân 400 lần. Ngày 10/03/2023, Đào Văn L2 nhắn tin từ số điện thoại 0372.72.3535 đến số 0974.911.435 của V để mua số lô với số tiền 11.000.000 đồng. Kết quả xổ số miền Bắc ngày hôm đó cho thấy L2 không trúng thưởng. Do đó, tổng số tiền đánh bạc giữa L2 và V ngày 10/03/2023 là 11.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, Bùi Gia L, Nguyễn Văn V và Đào Văn L2 đã khai nhận toàn bộ hành vi đánh bạc của mình. Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau và phù hợp với tài liệu, chứng cứ thu thập được trong vụ án. Ngoài ra, qua khai thác nội dung tin nhắn của V, cơ quan điều tra phát hiện V còn tham gia đánh bạc với một số thuê bao điện thoại khác, nhưng chưa xác định được danh tính người sử dụng các thuê bao này, do đó chưa có căn cứ xử lý.

Tại Bản án số 124/2024/HS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên đã quyết định:

1. Về tội danh: Tuyên bố: Bị cáo Bùi Gia L phạm các tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” và “*Đánh bạc*”; các bị cáo Nguyễn Văn V và Đào Văn L2 phạm tội “*Đánh bạc*”.

2. Về áp dụng điều luật và hình phạt:

- Áp dụng khoản 4 Điều 175; khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 55 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Gia L 13 (mười ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản và 01 (một) năm tù về tội Đánh bạc. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo L phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 14 (mười bốn) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tính từ ngày 10/10/2023.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V 01 (một) năm tù, thời hạn tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt, được trừ thời hạn tạm giam từ ngày 29/5/2024 đến ngày 25/6/2024.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đào Văn L2 09 (chín) tháng tù, thời hạn tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt, được trừ thời hạn tạm giam từ ngày 29/5/2024 đến ngày 25/6/2024.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 584; Điều 585; Điều 586 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo Bùi Gia L và bị hại anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị L1: Bị cáo L có nghĩa vụ trả anh T và chị L1 tổng số tiền 3.219.483.000 đồng (Ba tỷ hai trăm mười chín triệu bốn trăm tám mươi ba nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành án khoản tiền phải trả trên thì còn phải chịu lãi suất tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí, tuyên các quyền và nghĩa vụ khác.

Ngày 02/01/2025, bị cáo Nguyễn Văn V nộp đơn kháng cáo xin giảm hình phạt, hưởng án treo.

Ngày 06/01/2025, bị cáo Đào Văn L2 nộp đơn kháng cáo xin giảm hình phạt, hưởng án treo. Bị cáo đã rút kháng cáo trước khi mở phiên tòa phúc thẩm.

Ngày 02/01/2025, bị hại Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị L1 nộp đơn kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Bùi Gia L và giao cho vợ chồng anh T quản lý, sử dụng thửa đất số 448, tờ bản đồ 31, diện tích 104m² tại xã D, thị xã M, tỉnh Hưng Yên.

Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn V đã có đơn xin rút kháng cáo. Bị hại Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị L1 giữ nguyên kháng cáo và đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Bùi Gia L vì bị cáo và gia đình không bồi thường, không có ý kiến gì với bị hại; Bị hại yêu cầu được sử dụng thửa đất vì thửa đất là do gia đình bỏ tiền mua, bị cáo L bán không được sự đồng ý của bị hại.

Bị cáo Bùi Gia L thừa nhận hành vi phạm tội nêu trong nội dung bản án sơ thẩm là đúng, không có ý kiến gì về tội danh, đồng ý mức hình phạt của bản án sơ thẩm. Bị cáo không đồng ý với kháng cáo của bị hại và đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị H1 không có ý kiến gì về kháng cáo của các bị hại.

Quan điểm của đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội: Tòa án cấp sơ thẩm kết án và xử phạt bị cáo Bùi Gia L 13 năm 06 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 4 Điều 175 của Bộ luật Hình sự và 01 năm tù về tội Đánh bạc, theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự; Ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo Bùi Gia L và bị hại Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị L1, bị cáo L có nghĩa vụ trả anh T và chị L1 tổng số tiền 3.219.483.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, bị hại kháng cáo không có tình tiết mới, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị hại Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị L1 và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn V đã rút kháng cáo tại phiên tòa, đề nghị căn cứ Điều 348 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn V.

Người bào chữa cho bị cáo Bùi Gia L có quan điểm: Bị cáo Bùi Gia L đã nhận thức được hành vi phạm tội và không kháng cáo. Bản án sơ thẩm tuyên phạt bị cáo 13 năm 6 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản là tương xứng và đúng pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo tăng hình phạt của bị hại. Về phần trách nhiệm dân sự, do các bên đã thỏa thuận tại phiên tòa sơ thẩm nên bản án sơ thẩm công nhận sự thỏa thuận của các bên là đúng pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo về phần trách nhiệm dân sự của bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo bị cáo Nguyễn Văn V, bị hại Nguyễn Văn

T, Nguyễn Thị L1 làm đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận để xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Bị cáo Nguyễn Văn V tự nguyện rút kháng cáo tại phiên tòa phúc thẩm được Hội đồng xét xử chấp nhận và quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn V.

Đối với bị cáo Đào Văn L2 có kháng cáo nhưng đã rút kháng cáo trước khi mở phiên tòa phúc thẩm hôm nay, Tòa án đã ra quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Đào Văn L2.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Bùi Gia L đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình nêu trong nội dung của bản án sơ thẩm là đúng. Căn cứ lời khai nhận tội của các bị cáo có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị hại, các tài liệu, chứng cứ thu thập được, có đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng tháng 3/2022, Bùi Gia L được vợ chồng anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị L1 tin tưởng nhờ mua và đứng tên hộ trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 448, tờ bản đồ số 31, diện tích 104m², tại thôn B, xã D, thị xã M, tỉnh Hưng Yên. Tuy nhiên, từ tháng 8/2022 đến tháng 12/2022, L đã lợi dụng giấy tờ đất mang tên mình để chiếm đoạt và chuyển nhượng thửa đất này cho chị Nguyễn Thị H1 và anh Trần Ngọc H với số tiền 1.120.000.000 đồng. Theo kết quả định giá tài sản, thửa đất trên tại thời điểm tháng 12/2022 có giá trị 1.328.080.000 đồng.

Ngoài hành vi chiếm đoạt tài sản, Bùi Gia L còn thực hiện hành vi đánh bạc bằng hình thức đánh số lô, số đề với Nguyễn Văn V. Số tiền L sử dụng để đánh bạc ngày 10/01/2023 là 12.910.000 đồng, ngày 11/01/2023 là 14.725.000 đồng, ngày 12/01/2023 là 31.700.000 đồng, ngày 08/10/2023 là 11.480.000 đồng.

Nguyễn Văn V ngoài đánh bạc với Bùi Gia L còn có hành vi đánh bạc với Đào Văn L2 bằng hình thức số lô, số đề ngày 10/03/2023 là 11.000.000 đồng.

[3] Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi đánh bạc với lỗi cố ý trực tiếp, số tiền đánh bạc mỗi lần của từng bị cáo đều trên 5.000.000 đồng nên Tòa án cấp sơ thẩm kết án các bị cáo phạm tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là đúng pháp luật.

Bị cáo Bùi Gia L được anh Nguyễn Văn T tin tưởng giao tiền cho để nhờ mua mảnh đất và lại được đứng tên trên GCNQSDĐ đó. Sau đó bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản, bán tài sản là quyền sử dụng đất không phải của mình, không được sự đồng ý của người chủ sử dụng thửa đất để lấy tiền chi tiêu

cá nhân, khi được yêu cầu trả tiền, tài sản thì bị cáo đã bỏ trốn, ngắt liên lạc nhằm trốn tránh trách nhiệm. Giá trị thửa đất được định giá tại thời điểm chiếm đoạt là 1.328.080.000 đồng. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo Bùi Gia L phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 4 Điều 175 của Bộ luật Hình sự là đúng pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của bị hại về tăng hình phạt đối với bị cáo Bùi Gia L: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ, toàn diện các tình tiết của vụ án, đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội của bị cáo Bùi Gia L, xem xét nhân thân của bị cáo, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; ra đầu thú, mẹ đẻ bị cáo được tặng thưởng nhiều Bằng khen, Giấy khen; các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự này quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm quyết định mức hình phạt đối với bị cáo Bùi Gia L 13 năm 06 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật. Do vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị hại Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị L1 về tăng hình phạt tù đối với bị cáo Bùi Gia L và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa là phù hợp.

Đối với tội Đánh bạc, bị cáo Bùi Gia L không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với kháng cáo của bị hại Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị L1 về việc được quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 448, tờ bản đồ 31, diện tích 104m² tại xã D, thị xã M, tỉnh Hưng Yên: Do tại phiên tòa sơ thẩm, bị hại Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị L1 đã thống nhất, thỏa thuận với bị cáo Bùi Gia L trả bằng tiền với số tiền 3.219.483.000 đồng, bao gồm cả tiền chiếm đoạt và tiền vay. Việc thỏa thuận là tự nguyện, không trái pháp luật nên Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo Bùi Gia L và bị hại anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị L1 là có căn cứ, đảm bảo quyền tự định đoạt của đương sự nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh T và chị L1 về phân trách nhiệm dân sự.

[5] Về án phí phúc thẩm: Bị hại không được chấp nhận kháng cáo phần trách nhiệm dân sự phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo Bùi Gia L và bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356, Điều 342, Điều 348 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị hại Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị L1 và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm:

Tuyên bố bị cáo Bùi Gia L phạm các tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" và "*Đánh bạc*".

1.1/ Áp dụng khoản 4 Điều 175; khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 55 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Bùi Gia L 13 (mười ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản và 01 (một) năm tù về tội Đánh bạc. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Bùi Gia L phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 14 (mười bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/10/2023.

1.2/ Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 584; Điều 585; Điều 586 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo Bùi Gia L và bị hại anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị L1: Bị cáo L có nghĩa vụ trả anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị L1 tổng số tiền 3.219.483.000 đồng (Ba tỷ hai trăm mười chín triệu bốn trăm tám mươi ba nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành án khoản tiền phải trả trên thì còn phải chịu lãi suất tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả theo quy định của pháp luật.

2. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn V. Bản án số 124/2024/HS-ST ngày 27/12/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên có hiệu lực pháp luật đối với bị cáo Nguyễn Văn V kể từ ngày đình chỉ xét xử phúc thẩm.

3. Về án phí phúc thẩm: Bị hại Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị L, mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VCT&KSXXPT tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- CQĐT Công an tỉnh Hưng Yên;
- Trại tạm giam CA tỉnh Hưng Yên;
- Cục THADS tỉnh Hưng Yên;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Bị hại;
- Lưu: HS, HCTP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ngô Quang Dũng

